

Hậu chủ nghĩa tư bản

PETER DRUCKER

Cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ ở Châu Á đã phơi bày sự mất ổn định vốn có trong chủ nghĩa tư bản toàn cầu hóa. Sự bất bình đẳng gia tăng, sự thoái hóa của các giá trị xã hội, sự phá hoại môi trường sinh thái đang tăng nhanh cũng đã bộc lộ những hạn chế của các học thuyết kinh tế một chiều đang thịnh hành ngày nay. Vì thế người ta lại đi đến nhất trí kinh tế thị trường không phải là lựa chọn duy nhất của con người. Sự điều hành của nhà nước lại trở nên quan trọng nhưng bây giờ cũng phải được toàn cầu hóa. Một xã hội dân sự (civil society) mạnh mẽ cũng là cần thiết nhưng nó không còn như nó trước đây vì xã hội hậu hiện đại đã làm đảo lộn mọi truyền thống hiện đại. Trong bài khảo luận này, chúng tôi đưa tầm nhìn đến sau chủ nghĩa tư bản một xã hội mới và những thể chế chính trị có thể có trong tương lai.

PETER DRUCKER, một “GURU” (sư phụ) trong khoa học quản lý nổi bật của nước Mỹ, là tác giả của cuốn: “Kết cục của nhà kinh tế” và cuốn “Thời đại của gián đoạn”. Peter Drucker trao đổi với biên tập viên tạp chí NPQ: Nathan Gardels vào tháng 2/1998/

NPQ: Gần đây, một vài người ủng hộ chủ nghĩa tư bản mạnh mẽ nhất, những người như ông và nhà tài phiệt George Soros, đã trở thành những nhà phê bình chủ nghĩa tư bản lớn nhất.

Vậy ý kiến phê bình của ông là gì?

PETER DRUCKER: Tôi đứng về phía thị trường tự do. Mặc dù thị trường tự do chưa phải đã hoàn hảo nhưng mà chẳng có cơ chế nào tốt hơn. Nhưng mà tôi có một số ý kiến bảo lưu nghiêm túc về chủ nghĩa tư bản với tư cách là một hệ thống vì chủ nghĩa tư bản sung bái kinh tế học như là tất cả của cuộc sống. Đó là một chiều.

Ví dụ, tôi đã thường khuyên các nhà quản lý rằng tỷ lệ lương 20-1 là cái giới hạn cao nhất họ không thể đi quá nếu họ không muốn sự phản kháng và tinh thần làm việc giảm sút làm hại cho công ty họ. Tôi nhớ lại những nỗi lo lắng của mình vào những năm 30 về tình trạng những bất bình đẳng lớn tạo ra bởi cuộc cách mạng công nghiệp sẽ gây ra thất vọng xã hội đến mức bị những trào lưu kiểu như chủ nghĩa phát xít lợi dụng. Thật không may là tôi đã đúng.

Ngày nay tôi tin rằng điều không thể tha thứ được về mặt xã hội và về mặt đạo đức là những nhà quản lý kiếm được lợi nhuận khổng lồ cho chính họ nhưng lại sa thải công nhân. Trên phương diện toàn xã hội, chúng ta sẽ phải trả giá đắt cho sự phản kháng mà điều này sẽ tạo ra trong tầng lớp quản lý cấp thấp và công nhân.

Nói tóm lại, ý nghĩa của vấn đề là một con người được đối xử như là một con người đã không được đưa vào trong phép tính kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Đối với một hệ thống thiên cận như thế thì việc hệ thống đó thống trị các mặt khác của xã hội không tốt cho bất cứ xã hội nào.

Về vấn đề thị trường có một số vấn đề thuật ngữ đối với chính học thuyết này.

Trước hết, học thuyết này cho rằng có một thị trường đồng nhất. Trong thực tế, có 3 thị trường đan xen vào nhau mà nhìn chung chúng không thay thế cho nhau được. Một thị trường quốc tế về tiền tệ và thông tin, các thị trường quốc gia và thị trường địa phương.

Hầu hết những đồng tiền được coi là tiền tệ kinh tế xuyên quốc, tất nhiên cũng chỉ là những đồng tiền thực tế mà thôi.

Thị trường liên ngân hàng Luân Đôn mỗi ngày giao dịch một khối lượng dodola lớn hơn khối lượng àm toàn thế giới cần trong một năm để thanh toán cho tất cả các hoạt động kinh tế.

Đây là những đồng tiền không được sử dụng đúng chức năng của nó. Nó không có khả năng sinh lợi vì nó không được dùng để làm gì. Nó không có sức mua. Vì vậy, nó hoàn toàn là những đồng tiền đầu cơ tích trữ và rất dễ bị rối loạn khi nó được chuyển vội vàng từ nơi này sang nơi khác để kiếm 0,64 điểm cuối cùng đó của một phần trăm.

Rồi thì, có một nền kinh tế quốc gia lớn không được mở cửa tự cho thương mại thế giới. Khoảng 24% nền kinh tế của Mỹ được mở cửa cho thương mại quốc tế, ở Nhật chỉ có 8%.

Rồi đến kinh tế địa phương. Bệnh viện gần nhà tôi có chất lượng chăm sóc bệnh nhân cao và rất là cạnh tranh. Nhưng nó không cạnh tranh với bất cứ bệnh viện nào cách nó 40 dặm ở Los Angeles. Khu vực thị trường có hiệu quả ở Mỹ cho các bệnh viện là nằm trong phạm vi 10 dặm bởi vì, vì một lý do không rõ ràng nào đó mà không có nhà kinh tế nào có thể luận ra được, mọi người thích được ở gần các bà mẹ đau ốm của mình.

Tuy nhiên, từ khi bắt đầu cuộc đại khủng hoảng, các bảng biểu đã bị đảo lộn: đối với các sản phẩm truyền thống từ xây dựng nhà ở đến ô tô, cần phải hình thành trước cung – mặc dầu ngày nay điều này lại không đúng với mặt hàng điện tử và tin học, đối với mặt hàng này cung tạo ra cầu.

Đằng sau khái niệm về thị trường này, như Joseph Schumpeter công nhận từ năm 1991, là “sự mất cân đối chuyển động” gây ra bởi quá trình diệt vong từ sang tạo khi các thị trường mới với các sản phẩm mới và nhu cầu mới được tạo ra từ sự diệt vong của các thị trường, sản phẩm và nhu cầu cũ.

Vì vậy, kinh tế thị trường không thể được diễn tả bằng những hình ảnh mà học thuyết này dự đoán. Trên thực tế kinh tế thị trường không phải là một hệ thống có thể dự đoán được, mà là một hệ thống vốn tự nó không ổn định. Và nếu không thể dự đoán được, anh không thể định hướng hành động của mình dựa trên hệ thống đó. Đó là một hạn chế khá nghiêm trọng trong việc xây dựng một học thuyết hành động cho con người.

Bill Gates là người quan trọng vì có công ty Microsoft do anh ta xây dựng nên vài phần mềm mà chúng ta đang sử dụng. Là một người giàu có, anh ta hoàn toàn không phải là một ví dụ thích hợp. Số của cái của làm cho nước Mỹ ngày nay trở thành một nước lớn thuộc về hàng chục triệu các doanh nghiệp nhỏ.

Tất cả những điều mà chúng ta có thể nói là, xét đến cùng, mọi cân đối dài hạn là kết quả của một loạt điều chỉnh ngắn hạn theo các tín hiệu của thị trường.

Vấn đề này, cuối cùng, là sức mạnh của thị trường: nó là người cầm cương cho các điều chỉnh ngắn hạn. Qua việc cung cấp thông tin phản hồi thông qua giá cả, nó ngăn anh lãng phí thời gian và tài nguyên đầu tư vào mọi hướng giống như các hiệp sĩ của vua Athur.

Trước đây người ta quan niệm rằng, nếu anh bền chí thì sẽ có lúc anh đạt được một cái gì đó. Thị trường bảo cho anh biết rằng nếu anh không thu được gì sau năm tuần, anh nên chuyển hướng hay chuyển nghề.

Ngoài các điều chỉnh ngắn hạn thị trường chẳng còn giá trị gì. Tôi đã tìm hiểu thêm vấn đề này khi tham gia vào việc vạch ra kế hoạch nghiên cứu cho các công ty lớn. Về cơ bản, hoạt động này là một hành động của long tin. Khi ông chuyên viên tài chính trưởng hỏi, như ông ta vẫn thường hỏi, là: đề án này hay kia “sẽ đem lại bao nhiêu lợi nhuận” thì câu trả lời duy nhất là “sau mười năm nữa chúng ta mới biết được”.

NPQ: nhiều năm trước đây ông viết về quyền sở hữu quỹ hưu trí của nền kinh tế Mỹ gọi nó là “chủ nghĩa tư bản không có nhà tư bản” mà ở đó các quỹ hưu trí của công nhân nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất.

Ngày nay, hình thức phân chia của cải này thậm chí được phát triển hơn nữa qua sự bùng nổ của các quỹ đầu tư ái hữu hơn 51% người Mỹ sở hữu cổ phiếu.

Như vậy là chúng ta đã tiến đến chủ nghĩa tư bản nhân dân hay hậu tư bản chủ nghĩa chưa?

DRUCKER: Thực ra thì gọi là nó là hậu chủ nghĩa tư bản chỉ có nghĩa là chúng ta không biết gọi nó là cái gì.

Anh cũng không thể gọi nó là nền dân chủ kinh tế vì không có hình thức tổ chức nhà nước nào đi liền với hình thức sở hữu tập thể này.

Một điều chắc chắn, đây là một hiện tượng hoàn toàn mới trong lịch sử.

Người làm vườn nhà tôi, anh ta không phải là người giàu có, vậy mà ngày nào cũng đọc trang “thị trường, tiền tệ” của tờ báo “Nhật báo phố U-ôn” mà tôi vớt ra cửa sau để biết phải đầu tư vào cổ phiếu như thế nào.

Một người bạn tôi làm việc cho một sở tài chính miền quản lý tới 2 triệu tài khoản vừa rồi có nói với tôi là một người đầu tư trung bình đã tăng mức đầu tư vào quỹ đầu tư ái hữu của anh ta từ 10.000 USD lên 25.000 USD một năm.

Có lẽ điều đang trở thành một thực tế là khái niệm nhà tư bản chẳng còn có ý nghĩa gì nữa. Thời trước khi người ta tôn sùng người giàu, dư luận xã hội hoặc mạnh mẽ kêu gọi: “chúng ta cần những người giàu để tạo ra tư bản” hoặc phê phán: “những người giàu luôn bóc lột tất cả chúng ta”. Bây giờ thì chẳng còn ai nhắc đến những ý kiến đó nữa.

J.P.Morgan đã có một thời có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Mỹ. Khi ông ta ở đỉnh cao của sự giàu có, ông có đủ tiền để thỏa mãn mọi nhu cầu vốn của nước Mỹ trong 4 tháng.

Nếu tính theo tư bản sự mất giá do lạm phát, J.P.Morgan có lẽ đã có một số tiền suýt soát bằng 1/3 số tiền của Bill Gates. Việc một khối tài sản lớn như thế tập trung vào tay một người là chưa từng có trên thế giới kể từ thời các đại hóa đế Trung Hoa. Nhưng 40 tỷ USD của Gates cũng chỉ thỏa mãn được nhu cầu tư bản của nền kinh tế Mỹ chưa đến một ngày.

Bill Gates là một nhân vật quan trọng vì có công ty Microsoft do anh ta xây dựng nên và phần mềm mà chúng ta đang sử dụng. Là một người giàu có, anh ta hoàn toàn không phải là một ví dụ thích hợp. Việc anh ta tiêu hay quăng tiền của mình đi sẽ chẳng gây biến động gì cho nền kinh tế Mỹ. Nó sẽ chỉ là một giọt nước trong thùng nước mà thôi. Số của cải làm cho nước Mỹ ngày nay trở thành một nước lớn thuộc về hàng chục triệu các doanh nghiệp nhỏ.

NPQ: Về mặt lịch sử, chủ nghĩa xã hội nhà nước đã thất bại trong việc tạo ra của cải hay đáp ứng nhu cầu đầy đủ dịch vụ xã hội. Vậy mà chủ nghĩa tư bản lại bỏ qua các mặt khác

của cuộc sống ngoài quan hệ trao đổi kinh tế. Và, như ông nói, thị trường chỉ tốt trong từng giai đoạn ngắn. Vậy thì xã hội sẽ vận hành như thế nào xét về lâu dài?

DRUCKER: Bây giờ chúng ta biết rằng chúng ta cần 3 khu vực chứ không phải 2. Không phải chỉ khu vực nhà nước và khu vực doanh nghiệp, mà còn phải có một khu vực thứ 3 ở giữa mà người ta gọi là “xã hội dân sự” (civil society).

Quả thực, tôi tin rằng một mô hình hiện thực có thể một mặt thay thế cho những ảo tưởng xã hội chủ nghĩa, mặt khác thay thế cho thị trường thuần túy, là sự kết hợp giữa phân tán quyền sở hữu kinh tế thông qua các quỹ hưu trí và quỹ đầu tư ái hữu, với một khu vực thứ 3 phi lợi nhuận với nhiệm vụ đáp ứng các nhu cầu của cộng đồng từ chăm sóc sức khỏe đến học hành.

Quan điểm của một số bạn tôi thuộc Đảng cộng hòa cho rằng chúng ta có thể sống không cần nhà nước thật là ngớ ngẩn. Phản ứng này có thể hiểu được, phát sinh từ niềm tin hình thành sau chiến tranh là nhà nước có thể đáp ứng mọi nhu cầu của cộng đồng.

Nhưng chúng ta đã biết rằng, giống như mọi công cụ khác, nhà nước là cần thiết trong một số lĩnh vực nhưng lại không cần thiết trong các lĩnh vực khác. Ví dụ, nhà nước có vai trò quan trọng trong việc tự vệ tập thể và huy động vốn phát triển cơ sở hạ tầng thông qua việc thu thuế.

Nhưng giống hệt như là tôi không thể cật móng chân bằng một cái búa, nhà nước không thể đáp ứng nhu cầu của cộng đồng. Mọi việc nhà nước làm đều phải tiến hành trên quy mô quốc gia. Nhà nước không thể thử nghiệm hoặc điều chỉnh theo điều kiện địa phương của một cộng đồng.

Nhà nước có khuynh hướng xác định một vấn đề theo chuẩn mực định sẵn, sau đó thì đưa ra những giải pháp giống nhau. Nhưng một biện pháp có thể thích hợp ở St. Louis thường lại không có tác dụng ở Kansas City, đừng nói gì đến ở New York hay Los Angeles.

Với động cơ duy nhất là lợi nhuận, đương nhiên kinh tế thị trường rõ ràng là không quan tâm hay không có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội.

Mặc dầu mọi người nghĩ tôi chủ yếu là một cố vấn quản trị kinh doanh, tôi đã dành một phần lớn thời gian trong 50 năm qua để tư vấn cho các tổ chức hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. 15 năm trước đây, chỉ có 300.000 nhóm hoạt động không vì mục đích lợi nhuận được miễn thuế đăng ký với IRS, trong đó có cả những tổ chức nổi tiếng như hiệp hội tim Mỹ, hiệp hội phổi Mỹ. Bây giờ thì có trên một triệu tổ chức như vậy.

Tôi cũng giúp cho việc thành lập một quỹ quản lý hoạt động không vì mục đích lợi nhuận nằm dưới sự quản lý của cơ quan trước đây là hội đồng quốc gia các nữ hướng đạo sinh. Ý tưởng thì đơn giản thôi: Các tổ chức này phần nhiều thường không được quản lý chứ không phải là được quản lý lệch lạc. Khi không nằm trong vòng cương tỏa của kinh tế thị trường, các tổ chức này cần tập trung hoạt động theo một phương hướng nhất định nhằm đạt được các kết quả định hướng, coi đó là quy định tối thiểu cho hoạt động của mình.

Một trong những khó khăn mà quỹ này gặp phải là quỹ nhận được nhu cầu cần giúp đỡ từ nhiều nước khác nhau như Nhật, Braxin, Ac – hen – ti – na, và Ba Lan. Tất cả các nước này đều rất cần các quy chế cho khu vực phúc lợi xã hội – từ việc thành lập các hiệp hội các nhà hộ sinh đến các trạm chăm sóc các phụ nữ bị ngược đãi đến việc phổ biến kiến thức cho nông dân ở những nơi như Patagonia.

NPQ: Tạo sao khu vực xã hội lại phát triển ở Nhật, nơi mà cộng đồng đã rất mạnh?

DRUCKER: 2 vấn đề đang xảy ra. Thứ nhất, cấu trúc cộng đồng truyền thống đang tan rã. Thứ hai, các phụ nữ có học thức, sau khi đi làm vài năm đã nghỉ để sinh con, khi con đi học thì trở nên buồn chán.

Nhật có những vấn đề xã hội nào? Ở Nhật khi anh đến 55 tuổi, anh coi như bị quẳng ra ngoài lề - mặc dầu anh có chắc còn sống được 30 năm nữa. Vì vậy những người già tổ chức câu lạc bộ, từ câu lạc bộ thể thao đến câu lạc bộ cắm hoa Ikebana để tiêu khiển.

Một trong số các nhóm hoạt động xã hội mới thành công nhất ở Nhật tham gia vào hoạt động không mang tính truyền thống Nhật Bản nhất: “bữa ăn trên bánh xe” để phục vụ cho những người gia không thể ra khỏi nhà.

Thế hệ trẻ không còn quan tâm đến người già nữa. Thế mà nhà nước lại cản trở tổ chức dịch vụ bữa ăn trên bánh xe vì điều đó có nghĩa là nhà nước phải thừa nhận là người già ở Nhật không được quan tâm. Quả thực đây là một vết nhơ đối với danh dự của nước Nhật. Nhưng đó là sự thật.

Đối với trẻ vị thành niên và trẻ ở tuổi đến trường có một nhu cầu rất lớn về việc đưa đón đi học, giám sát học bài ở nhà và phụ đạo cho những đứa trẻ chưa đứng đầu lớp.

Cũng có những lớp dạy tiếng Anh hội thoại và đọc hiểu cho phụ nữ Nhật, những người đã học chút ít ở trường phổ thông hay ở nơi làm việc và muốn duy trì vốn tiếng Anh của mình. Hiện giờ có hơn 185.000 lớp như vậy, thậm chí ở cả những thị trấn nhỏ.

Ở Nhật hiện nay còn có cả hiệp hội những người nghiện rượu giấu tên. Tôi không biết đến giờ thì hiệp hội đó đã lớn đến đâu, nhưng đôi khi có bằng chứng cho thấy mọi người làm công ăn lương đều có thể trở thành thành viên của hiệp hội này.

Dường như không ai sống ở ngoài nước. Nhật biết rằng trong khi 20% số học sinh Nhật đạt kết quả học tập xuất sắc thì số không đạt kết quả xuất sắc còn lại chẳng được ai để ý đến cả. Khu vực dịch vụ xã hội có những dịch vụ phục vụ cho số trẻ này.

NPQ: Dẫn sao ở Mỹ tầm cỡ của các vấn đề xã hội cho thấy chúng không thể giải quyết được bởi các tổ chức tình nguyện, điều đó có đúng không?

DRUCKER: Có lẽ không hoàn toàn như vậy. Nhưng quy mô hoạt động thì đúng là rất lớn. Hơn 50% người Mỹ làm việc ít nhất 4 giờ/1 tuần tại một hiệp hội tình nguyện nào đó thuộc nhà thờ hay cộng đồng.

Và các giải pháp cho các vấn đề của cộng đồng mà họ đưa ra rất sang tạo. Phải mất nhiều năm tôi mới học được một bài học rất quan trọng là: Các tấm gương thực tiễn về giải quyết các vấn đề xã hội có ý nghĩa rất lớn vì những người khác sẽ làm theo.

Vì mục đích này mỗi năm quỹ Drucker trao một giải thưởng cho một hiệp hội tình nguyện để điển hình hóa kinh nghiệm của họ, từ đó nhân rộng ra.

Một năm, chúng tôi trao giải thưởng cho một nhóm rất nhỏ đứng đầu là một người nhập cư, anh này đã tìm ra cách tập hợp các bà mẹ hưởng bảo trợ xã hội, những người tội tệ nhất, phi sản xuất nhất và các trẻ em tàn tật nặng nhất. Việc làm này dẫn đến tình hình là trẻ em tàn tật được quan tâm chăm sóc và sau một thời gian các bà mẹ hưởng bảo trợ xã hội, học được một nghề nên kiếm được việc làm có thu nhập cao.

Một dự án khác được chúng tôi đề cao là dự án do nhà thờ Lutheran ở St. Louis tiến hành. Trong địa phận của họ, họ phát hiện ra rằng khoảng 2/5 những người không có nhà cửa, hầu hết là các gia đình, chỉ cần được giúp đỡ một chút ít là có thể tự lo liệu cho mình được.

Việc đầu tiên nhà thờ làm các đánh giá các gia đình không có nhà cửa cần nhất cái gì. Kết quả là cái mà họ cần nhất là long tự trọng.

Vì vậy các thành viên của giáo đoàn thường mua những ngôi nhà đổ nát và kêu gọi những người tình nguyện sửa chữa thành những căn nhà trung lưu tuyệt đẹp. Sau đó họ cho các gia đình sống. Rồi thì các thành viên của nhà thờ được cử ra giúp các gia đình thanh toán các hóa đơn chi tiêu và tìm việc làm. Cuối cùng khoảng 80% các gia đình thuộc đối tượng của dự án vĩnh viễn không cần đến bất cứ sự hỗ trợ nào nữa.

Ngoài ra còn có các tổ chức như hiệp hội nữ hướng đạo sinh hiện đang có thêm nhiều người tham gia. Cách đây vài năm số người tham gia giảm xuống còn khoảng 500.000 người tình nguyện. Ngày nay con số đó là khoảng 900.000. Những người tình nguyện cũ thường là các bà nội trợ trung lưu buồn chán với cảnh ở nhà. Những người tình nguyện mới phần nhiều là những phụ nữ có nghề nghiệp đã hoàn việc sinh con nhưng lại thích dành thời gian nghỉ cuối tuần để giúp đỡ các cô gái sau khi đã làm việc cả tuần trong môi trường đàn ông.

Phần lớn thời gian 25 năm qua, tôi đã làm việc với hệ thống nhà thờ tin lành cực lớn ở Mỹ hiện đang phát triển rất nhanh, tôi tin rằng hệ thống nhà thờ này là một trong những hiện tượng xã hội có ý nghĩa nhất ngày nay. Các nhà thờ này giáo dục cho nhân dân tinh thần hoạt động cộng đồng và khuyến khích mọi người thực hành đức tin bằng cách tham gia vào các hoạt động cải thiện điều kiện sống của mình.

Trong khi các nhà thờ truyền thống có thể đang chết đi ở một số mặt, thì các mặt khác chúng đang được cải tổ.

Lấy ví dụ nhà thờ Cơ đốc ở Mỹ, Giáo hoàng John Paul 2 đã rất cẩn thận khi bổ nhiệm các giám mục thuộc phái bảo thủ đến nhà thờ Mỹ vì các nhà thờ này làm cho Giáo hoàng lo lắng. Điều làm cho Giáo hoàng lo lắng không hẳn là các vấn đề thuộc lĩnh vực thần học, vấn đề các cha lấy vợ và vấn đề phụ nữ thụ phong, mà chính là sự bùng nổ phát của các hoạt động thế tục trong giáo khu mà các giám mục không thể kiểm soát được.

Ở một trong các giáo khu lớn nằm ở trung tâm miền Tây mà tôi biết, số đức cha có thời lên tới 700, bây giờ chỉ còn khoảng 250. Hầu như không có nữ tu sĩ – nhưng có tới 2500 phụ nữ thế tục. Ở mọi xứ đạo trùm xứ đều là người thế tục và đều là nữ.

Tất cả công việc của đức cha chỉ làm lễ. Các phụ nữ tình nguyện làm tất cả các phần việc còn lại của buổi lễ. Cuộc sống đã tiến một bước dài kể từ thời cô gái đội bàn thờ thánh.

NPQ: Tại sao nước Mỹ lại có khu vực thứ ba lớn và quan trọng đến như vậy so sánh với các nước khác, kể cả các nước phương Tây?

DRUCKER: Không có một nước nào khác có khu vực hoạt động không vì mục đích lợi nhuận có quy mô hoạt động lớn dù là gần như nước Mỹ bởi vì, về cơ bản ở các nước khác các công chức của nhà nước quốc gia hiện đại đã phá hoạt khu vực cộng đồng.

Ở Pháp, các hoạt động cộng đồng hầu như bị coi là tội phạm. Ở Anh, thời nữ hoàng Victoria, khu vực hoạt động tình nguyện chống nạn nghèo khổ rất phát triển mặc dầu sau này nó tàn lụi đi.

Các công chức của nhà nước quốc gia hiện đại đã phá hoại khu vực cộng đồng. Ở Pháp, các hoạt động cộng đồng hầu như bị coi là tội phạm.

Ở Châu Âu, cuộc đấu tranh chủ yếu trong xã hội là giải phóng nhà nước khỏi sự thống trị của Nhà thờ, đây chính là lý do vì sao Châu Âu lục địa có truyền thống chống thần giáo mạnh mẽ như vậy.

Ở Mỹ, tình hình lại diễn ra ngược lại. Khi Jonathan Edward xây dựng học thuyết tách rời nhà thờ và nhà nước vào khoảng năm 1740, mục đích của nó là giải phóng nhà thờ khỏi nhà nước. Tư tưởng chống thần giáo chưa bao giờ có chỗ đứng trên đất nước này.

Vì có tự do thần giáo, nước Mỹ phát triển truyền thống đa thần giáo và các nhà thờ phi nhà nước. Và với truyền thống đa thần giáo, trong xã hội phát sinh sự tranh giành tín đồ giữa các giáo phái. Kết quả của sự tranh giành này là sự hình thành truyền thống sự tham gia của cộng đồng, truyền thống này không hề có ở các nước khác.

Ngoài trường đại học Virginia của Jefferson, tất cả các trường đại học ở Mỹ đều thuộc về các giáo phái cho đến năm 1833 khi trường đại học Oberlin được thành lập.

Cuộc khủng hoảng châu Á

Những khó khăn kinh tế ở châu Á thực sự không làm tôi quan tâm lắm bởi vì những cái mà tôi có thể dùng tiền để giải quyết được thì không thể là một cái gì nghiêm trọng trừ khi anh ta là một thằng ngốc.

Và người châu Á không phải là những thằng ngốc. Về cơ bản cuộc khủng hoảng ở châu Á không phải là cuộc khủng hoảng kinh tế, mà là một cuộc khủng hoảng xã hội. Khắp toàn vùng, căng thẳng xã hội ở mức cao đến mức nó làm tôi nhớ lại Châu Âu thời tôi còn trẻ, châu Âu sau đó đã sa vào 2 cuộc đại chiến.

Về nhiều mặt, chúng ta thấy tình trạng căng thẳng ở châu Á giống như những căng thẳng ở châu Âu phát sinh từ cuộc “đại rối loạn” gây ra bởi cuộc cách mạng công nghiệp đồng loạt và quá trình đô thị hóa nhanh chóng đi liền với nó. Chỉ có ddeiefu sự rối loạn ở châu Á đã diễn ra với nhịp độ nhanh trên phạm vi rộng.

Vào những năm 50 khi lần đầu tiên tôi biết đến Hàn Quốc, 80% đất nước này là nông thôn và trên thực tế không ai có trình độ học vấn hơn phổ thông trung học vì quân chiếm đóng Nhật không cho phép học cao hơn.

(Chỉ các trường dòng Thiên chúa giáo được phép hoạt động vì các trường này không bị quân Nhật đàn áp, điều này giải thích vì sao 30% dân số Hàn Quốc theo đạo Thiên chúa)

Công nghiệp không phát triển vì quân Nhật không cho phép thuê quá 5 nhân công.

Ngày nay, Hàn Quốc có 90% dân tập trung ở các đô thị, một quốc gia công nghiệp và trình độ dân trí cao. Tất cả chỉ diễn ra trong có 40 năm.

Những đảo lộn do sự phát triển hỗn loạn này gây ra chỉ có trong 4 thập kỷ chứa đựng những nguy cơ bùng nổ.

Cần phải cộng vào đây sự ngu xuẩn không ai sánh kịp của các doanh nhân Hàn Quốc đã không học hỏi được gì từ các láng giềng Nhật các đối xử với công nhân. Nước Nhật đã học được cách đối xử khó khăn – qua 2 cuộc bãi công đẫm máu đã gần như làm sụp đổ chính phi trong năm 1948 và năm 1954 – trong đó con người được đối xử như con người. (Dường như không ai biết rằng Nhật đã là nước có lịch sử tranh chấp lao động tồi tệ nhất thế giới bắt đầu từ năm 1700)

Khi có người nước ngoài đến thăm một nhà máy sản xuất hàng điện tử, nếu có ai trong số các nữ công nhân chỉ cần nhìn lên thôi là cũng bị lôi ra đánh vì không tập trung vào công việc.

Những kẻ chuyên quyền trong giới doanh nghiệp Hàn Quốc không chỉ đối xử rất tồi tệ với công nhân mà còn nắm giữ toàn bộ tiền và quyền lực trong công ty. Họ đối xử với các cán bộ quản lý cấp dưới chả khác gì cách đối xử với các thầy giáo da đen vùng Mississippi thời phân biệt chủng tộc trước đây.

Những kẻ chuyên quyền trong giới doanh nghiệp Hàn Quốc không chỉ đối xử rất tồi tệ với công nhân mà còn nắm giữ toàn bộ tiền và quyền lực trong công ty. Họ đối xử với các cán bộ quản lý cấp dưới chả khác gì cách đối xử với các thầy giáo da đen vùng Mississippi thời phân biệt chủng tộc trước đây.

Những kẻ chuyên quyền sau đó cấu kết với giới quân sự để duy trì quyền lực của mình và đàn áp công nhân.

Bây giờ mọi thứ cuối cùng cũng thay đổi dưới thời Tổng thống Kim Dae Jung, nhưng nó đã để lại một di sản là long hận thù sâu sắc giữa giới chủ và công nhân Hàn Quốc.

Ở Malaysia, mặc dù chính phủ đã cố gắng trong nhiều năm để giải tỏa, những căng thẳng giữa người Ma-lai chiếm 70% dân số với người Hoa chiếm 30% vẫn còn ở mức cao.

Thủ tướng Mohamad Mahathir một lần yêu cầu tôi cố vấn cho ông cách vận động người Mã-lai đi học. Vì vậy tôi đi tham quan một số làng và phát hiện ra rằng ở đây người ta trồng được mọi thứ - chuối lá, chuối dứa, táo. Và họ nuôi được lợn và gà. Không ai phải vất vả vì miếng ăn. Còn nếu muốn có tiền để mua ti vi hay xe máy thì chỉ cần làm vài giờ một năm, vậy thì họ còn muốn gì nữa? Học cao hơn cấp 3 để làm.

Người Hoa ở Malaysia thì ngược lại, họ không những học lên hơn lớp 3 mà còn đi học đại học ở Mỹ. Họ nói tiếng Anh giỏi như tiếng Malay. Họ biết của 3 vùng ở Trung Quốc.

Vì vậy họ kiểm soát nhiều lĩnh vực nhiều hơn mức mà các nhà lãnh đạo Malaysia muốn thừa nhận. Và vì vậy mà họ bị thù ghét.

Người ta thường nêu lên trong các báo cáo là thiếu số người Hoa chỉ chiếm khoảng 3% trong số 200 triệu người ở Indonesia. 100 triệu người trong số này không sống trên đảo Java. Điều này chỉ đúng về mặt thống kê, bởi vì người Hoa chiếm hơn 20% dân số của 3 thành phố lớn trong đó có Ja-ca-ta.

Trong mọi biến cố, vì nửa triệu người Hoa bị giết trong cuộc nổi dậy những năm 60, người Hoa hiểu rằng họ phải chung sống với lực lượng quân đội và thủ lĩnh của nó là Suharto. Vì vậy người Hoa cung cấp tiền cho phái Suharto và quân đội và người Hồi giáo căm thù sau sắc mối quan hệ này.

Xét tổng thể, “Hoa Kiều” đã trở thành những thế lực kinh tế lớn của thế giới. Sống ở đâu là họ xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh ở đó. Sống ở đâu là họ tạo thành tầng lớp ngành nghề ở đó và có nhiều ảnh hưởng với giới lãnh đạo. Trừ Singapore, Đài Loan và Hồng Kông – nơi dân có toàn là người Hoa - ở tất cả các nơi khác họ đều bị thù ghét.

Ngay tại Trung Quốc từ năm 1700 cứ 50 năm lại có một cuộc khởi nghĩa nông dân. Cuộc khởi nghĩa gần đây nhất, dưới sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông, đã thành công vào năm 1949.

Vì vậy, đã đến thời điểm cho cuộc khởi nghĩa tiếp theo. Vấn đề dẫn đến khởi nghĩa luôn luôn giống nhau, và ngày nay cũng vậy: người nông dân không có việc làm hoặc không đủ sống và không còn đường thoát.

Một số người đưa ra con số dự tính là hiện nay có đến 200 triệu nông dân tham gia vào “đội quân lang thang” đi khắp nơi kiếm việc làm. Và họ khó mà kiếm được. Nếu chính phủ Trung Quốc nghiêm túc thực hiện việc đóng cửa các xí nghiệp nhà nước làm ăn không hiệu quả, khoảng 50 đến 100 triệu người nữa sẽ bị đẩy ra lề đường.

Có lẽ lịch sử của chủ nghĩa phát xít và chiến tranh ở châu Âu đã làm tôi quá lo lắng. Nhưng từ kinh nghiệm bản thân tôi biết, rằng khi căng thẳng xã hội ở mức cao, chỉ cần một sự cố nhỏ cũng có thể dẫn đến bùng nổ.

Vì vậy tôi sợ thay cho châu Á.

Về Nhật

Nhật rất có tài quay quắt đảo điên. Một khi họ đạt được sự đồng lòng đủ cho thực hiện được một việc thì họ lập tức đổi ngay.

Cường quốc đứng đầu ở châu Á là Nhật. Nhưng vì cơ bản Nhật là một nước châu Âu. Tệ hơn thì Nhật cũng là một nước có truyền thống châu Âu thế kỷ 19. Chính vì vậy mà nước Nhật sa vào tình trạng tê liệt ngày nay.

Giống như nước Áo vào thời của cha tôi hay nước Pháp ở thời hoàng kim, Nhật là nước có bộ máy nhà nước dân sự công chức. Các nhà chính trị chẳng có ý nghĩa gì và luôn luôn bị nghi ngờ. Nếu họ bị phát hiện là kém năng lực hoặc tham nhũng thì cung chẳng có ai ngạc nhiên. Nhưng nếu các công chức bị phát hiện là tham nhũng và kém năng lực thì đó là những cú sốc kinh hoàng đối với mọi người. Nước Nhật ngày nay đang bị sốc.

Giống như ở nước Nhật, các công chức cao cấp ở các nước như Đức hay Pháp, những người phụ trách công tác quản lý nhà nước đối với một ngành kinh tế nhất định thường nghỉ hưu ở tuổi 55 để tham gia vào hội đồng quản trị các công ty trước đây nằm dưới sự quản lý của họ, hay đảm nhận cương vị phụ trách các hiệp hội ngành nghề thuộc lĩnh vực mình quản lý với một mức lương rất hậu hĩnh.

Ở Nhật, việc này chỉ khác là có tính tổ chức còn cao hơn. Các công chức trung thành với bộ của mình cho đến cùng và bảo vệ uy tín của bộ mình chống lại mọi sự tấn công - kể cả với các giá là, trường hợp bộ tài chính chẳng hạn, làm cho cả nền kinh tế đi xuống. Các công chức này sau đó sẽ được bố trí vào những vị trí “cố vấn” béo bở cho các đơn vị trong ngành.

Quan điểm cho rằng nền công nghiệp Nhật có tính hiệu quả và cạnh tranh cao là hoàn toàn vớ vẩn. Nước Nhật vẫn có tỷ lệ thấp nhất – khoảng 8% và chủ yếu trong ngành ô tô và điện tử - nền kinh tế mở ra thị trường quốc tế.

Hậu quả là Nhật có rất ít kinh nghiệp hòa nhập vào nền kinh tế thế giới. Hầu hết nền công nghiệp Nhật được bảo hộ và kém hiệu quả đến mức phi lý.

Ví dụ, nếu Nhật mở cửa thị trường giấy cho hàng nhập khẩu, 3 công ty giấy lớn của Nhật sẽ đi đứt trong vòng 48 giờ.

Nếu nền kinh tế Nhật quyết định mở cửa thị trường tài chính, các công ty Mỹ và công ty của các nước khác lập tức chiếm lĩnh. Các giao dịch ngoại hối ở Nhật hoàn toàn nằm trong tay các công ty nước ngoài.

Để hoạt động trong lĩnh vực ngoại hối, anh cần phải biết ít nhất 2 ngoại ngữ bởi vì anh cần phải nói tiếng Anh. Tiếng Nhật không được sử dụng nhiều ở Gio – ne – vor.

Khi thị trường tài sản được mở hé ra một tý thì chỉ trong 6 tháng, 100% giao dịch chuyển vào tay các công ty nước ngoài. Ở Nhật ít có các nhà quản lý tài sản được đào tạo.

Ngày nay khi tôi nhìn vào một ngân hàng Nhật, tôi thấy nó giống như ngân hàng do bố tôi phụ trách ở Áo ngay sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Việc một người có thể làm được thì phải có 4 người đảm trách. Năm 1923 họ vẫn không tin vào máy chữ. Họ không có máy cộg.

Mặc dầu ngân hàng quá kém hiệu quả và biên chế quá đông, ngân hàng vẫn có lãi vì số đông các nhà sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong đế quốc Áo – Hung không thắc mắc việc phải trả 5% phí cho ngân hàng. Họ chẳng thể vay tiền được ở nơi nào khác.

Rồi thế giới thay đổi. Đế quốc Áo – Hung tan rã, giao dịch cho vay đình đốn, khách hàng không đến vay tiền. Biên chế của ngân hàng đã quá thừa nay lại phải nhận lai nhân viên từ Praha, Cracow. Các ngân hàng giảm lợi nhuận và thua lỗ vì phí quản lý quá cao.

Đó là tình hình của Nhật ngày nay.

Xuất phát từ một tập quán hình thành từ năm 1890 buộc các công ty phải đăng ký với các trường đại học để được phân phối sinh viên tốt nghiệp, ngay cả đến tận cách đây 2 năm các công ty vẫn phải nhận sinh viên tốt nghiệp ngay cả khi đang phải thu hẹp hoạt động. Họ sợ rằng nếu không nhận thì sau này sẽ bị cắt khỏi danh sách được phân phối.

Tôi biết một công ty tiếp nhận 280 sinh viên từ sau trường địa học mặc dầu công ty đang làm ăn thua lỗ.

Vì vậy các nhân viên mới được tuyển ngời vật vạ cả ngày chẳng có việc gì để làm. Tôi đến họ thắp tùng xếp ra quán rượu. Liệu đây có phải là làm việc không?

NPQ: Nước Nhật làm thế nào mà từ một nhà nước châu Âu thế kỷ 19 đã trở thành nước thành công trong thế kỷ 21, thế kỷ siêu cạnh tranh?

DRUCKER: Dù với tất cả những điều tôi nói, đừng có đánh giá thấp người Nhật. Người Nhật có một khả năng khó có thể tin được, đó là khả năng chỉ trong một thời gian ngắn tạo ra những thay đổi triệt để, tàn bạo, quay ngược 180 độ. Và vì người Nhật không có truyền thống động lòng trắc ẩn nên những vết sẹo tình cảm do những thay đổi này gây ra thật là to lớn.

Mặc dầu trong 400 năm không có một nước nào ngoài các nước Châu Âu có được mức hoạt động mậu dịch quốc tế cao như nước Nhật, vào năm 1637 nước Nhật đóng cửa với thế giới bên ngoài. Và họ thực hiện việc đóng cửa chỉ trong vòng 6 tháng. Sự đảo lộn trong xã hội thật không thể tưởng tượng được.

Vào năm 1867, sau khi triều đại Meiji được khôi phục họ lại mở cửa – chỉ trong một thời gian ngắn.

Năm 1945 rõ ràng lại là một chuyện khác, vì nước Nhật là nước bại trận.

Khi đồng đôla bị đánh sứt giá cách đây khoảng 10 năm, người Nhật không bỏ phí một phút nào chuyển ngay ngành công nghiệp chế tạo ra khỏi Nhật tới những nước chi phí thấp hơn ở châu Á. Họ hợp doanh với hoa kiều và chiếm vị trí đứng đầu không ai có thể địch nổi trong số các nhà sản xuất ở Trung Quốc đại lục.

Dự đoán của tôi là muốn có sự thay đổi phải cần một xi – căng – đan lớn. Sự sụp đổ của hệ thống ngân hàng chẳng hạn. Cho đến nay, nước Nhật vẫn trì hoãn cải tạo hệ thống tài chính yếu kém của mình với hi vọng là các yếu kém này sẽ tự mất đi hoặc có thể được khắc phục từng bước. Nhưng thời gian trôi qua, chẳng có vẻ gì là như vậy cả.

Về Trung Quốc

Trong 10 năm tới, Trung Quốc sẽ phải tự cải tổ. Nếu lịch sử gợi ý cho ta một số điều thì một trong các điều đó là Trung Quốc sẽ tan rã thành những cát cứ địa phương.

Hiện nay Trung Quốc đã có cái gọi là khu vực tự trị, Ngày xưa các khu vực này được gọi là lãnh địa.

Thực tế các khu vực này đã đóng góp nhiều sự ủng hộ suông hơn là nộp thuế cho Bắc Kinh. Lý do duy nhất khiến họ chưa công khai ly khai với chính phủ trung ương là vì họ muốn tiếp tục nhận được các khoản trợ cấp cho các xí nghiệp quốc doanh.

Vì sắp xét lại các xí nghiệp hoàn toàn không hiệu quả này mà không để xảy ra các biến động xã hội là khó khăn lớn nhất đối với Trung Quốc trong thời gian tới.

Nhà máy xe đạp lớn nhất Trung Quốc nằm ở Tây An. Nhưng chất lượng xe đạp xấu đến mức chỉ cần anh nhìn nó đã rụng rời hết cả ra. Vì vậy mọi người dân ở Tây An đi xe đạp Thượng Hải – mặc dầu việc đưa xe đạp Thượng Hải vào Tây An được coi là bị cấm.

Ngày bây giờ 5 triệu xe đạp đã tồn kho không bán được. Nhưng nhà máy vẫn tiếp tục sản xuất vì 85.000 công nhân đang làm việc tại nhà.

Một lần tôi nói chuyện với Giám đốc nhà máy ô tô số 2 ở Bắc Kinh, một nhà máy nổi tiếng. Ông ta nói với tôi là ông ta có 115.000 công nhân sản xuất 45.000 xe tải, nhưng nếu ông ta chỉ cần giảm lực lượng lao động xuống 45.000 ông ta sẽ có thể sản xuất được 115.000 xe tải.

Tôi nhìn thấy trong nhà máy còn các cỗ máy công cụ do hãng Ford chở đến từ Thượng Hải từ năm 1926. Sau những máy đó ông giám đốc được trang bị những thiết bị của Nga từ những năm 50 với chất lượng tôi không thể tưởng tượng được. Tiếp theo ông ta có 3 nhà kho đầy ắp các thiết bị điều khiển bằng máy tính vẫn còn nguyên trong hòm.

“Sao ngài không đưa các máy tính này vào sử dụng?”. Tôi hỏi. Ông ta trả lời tôi là đã 6 năm rồi ông ta xin phép được chi tiền từ ngân sách của nhà máy để thuê dịch các tài liệu hướng dẫn sử dụng ra tiếng Trung Quốc, nhưng đến giờ cấp trên vẫn chưa duyệt.

Tình trạng này giống như ở nước Nga vào năm 1929 – 1930 khi máy kéo nằm ỳ giữa đồng vì Bộ chủ quản không cho nhập phụ tùng như dây cu – roa.

Có 3 giải pháp cho Trung Quốc. Giải pháp thứ nhất là giải pháp chính thức : các xí nghiệp nhà nước sẽ trở nên hiệu quả và hiện đại. Một vài xí nghiệp đã làm được điều này, như nhà máy xe đạp Thượng Hải, nhưng số này không nhiều.

Giải pháp thứ hai bắt nguồn từ một câu ngạn ngữ Trung Quốc cổ: “Muốn đi thẳng phải ngã sang hai bên”. Trong thực tiễn, đây chính là cách mà Trung Quốc đã làm trong 7 năm qua. Trước hết họ trợ cấp cho các xí nghiệp bằng các khoản trợ cấp thu được qua lạm phát cho đến khi xuất hiện nguy cơ thất nghiệp quá cao. Sau đó họ giảm dần lực lượng lao động ở các xí nghiệp lớn thêm một chút cho đến khi nguy cơ thất nghiệp quá cao lại xuất hiện, sau đó họ lại gây lạm phát. Mỗi lần họ cắt giảm một tý.

Giải pháp thứ ba, giải pháp mà về nhiều mặt tỏ ra là thực tế nhất là tập trung vào một số lĩnh vực mà ở đó họ có thể đưa ra các xí nghiệp làm ăn hiệu quả đủ để thu hút được vốn đầu tư nước ngoài. Đây chính là phương sách của khu Thượng Hải và về cơ bản, phương sách này đã phát huy tác dụng.

NPQ: Xét toàn cục, ông có nghĩ là cuộc khủng hoảng hiện nay đang lan tràn khắp châu Á sẽ dẫn đến sự sụp đổ của quá trình toàn cầu hóa, hay dẫn đến sự đẩy nhanh quá trình đó do nhu cầu vốn đầu tư nước ngoài?

DRUCKER: Giữa cuộc khủng hoảng mà lại tiếp tục quá trình tự do hóa kinh tế thì thật là hão huyền – và không chỉ riêng ở châu Á. Đừng quên rằng tự do hóa kinh tế có nghĩa là chấp nhận sự đảo lộn trước mắt để có được sự tiến bộ lâu dài.

Hãy nhìn vào nước Pháp ngày nay. Trong 110 năm, các tổ chức công đoàn đã luôn nêu ra giải thuyết là nếu cắt giảm tuần làm việc anh sẽ tạo thêm việc làm. Người ta đã thí điểm áp dụng giả thuyết này ở nhiều nơi mà chẳng nơi nào thành công cả. Việc cắt giảm tuần làm việc chỉ làm cho nạn thất nghiệp trầm trọng hơn và không tạo thêm được việc làm.

Tất cả kinh nghiệm của những năm 20 và thời kỳ đại khủng hoảng cho thấy một thực tế không hay ho gì: Dưới sức ép của nạn thất nghiệp, các quốc gia không áp dụng chính sách mở cửa. họ thi hành chính sách đóng cửa.

NPQ: Nếu cuộc cách mạng sản xuất hàng loạt của thế kỷ 20 gây ra những rối loạn cơ bản dẫn đến khủng hoảng và chiến tranh, liệu nạn thất nghiệp do áp dụng công nghệ mới gây ra – kết quả của cuộc cách mạng trí tuệ - sẽ là những rối loạn cơ bản của thế kỷ 21?

DRUCKER: Tôi không thấy có bằng chứng nào chứng minh cho luận điểm này. Từ khi người ta phát minh ra máy tính cho chúng ta đã lo lắng cho nguy cơ tự động hóa gây ra thất nghiệp. Nhưng lo lắng đó đã không trở thành hiện thực.

Ở Mỹ, vương quốc của Microsoft và Intel, nạn thất nghiệp đã ở mức thấp nhất trong nhiều thập kỷ. Nếu có thì chính là vì: ở châu Âu nạn thất nghiệp ở mức cao là do châu Âu đã không hội nhập đúng mức công nghệ thông tin vào xã hội và đã không điều chỉnh thị trường lao động xơ cứng theo cơ chế linh hoạt của kỷ nguyên trí tuệ.

NPQ: Vậy thì nhân tố nào sẽ là sự “rối loạn cơ bản” của thế kỷ 21 theo quan điểm của ông?

DRUCKER: Thách thức dân số. Ở tất cả các nước phát triển, vấn đề không hẳn là cái được mọi người bàn cãi – sự già cỗi của dân số - mà là sự giảm sút của tỷ lệ người trẻ tuổi trong dân số.

Mỹ là nước tiên tiến duy nhất trên thế giới có tỷ lệ sinh bằng tỷ lệ tử - 2,2 trẻ em trên một phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ. Đối với những người nhập cư từ các nước Mỹ Latinh mức đặt ra là mỗi gia đình có 4 con.

Bồ Đào Nha, Tây Ba Nha, Pháp, Ý và Hi Lạp thì ngược lại đang tự sát tập thể. Tỷ lệ sinh trung bình của các nước này chưa được 1 trẻ/gia đình. Nhật và Đức cũng có tỷ lệ khoảng 1,5 trẻ/gia đình.

Vấn đề này sẽ trở thành một vấn đề xã hội lớn trong 30 năm tới. Và nó sẽ có ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực.

Ngày nay con người sống lâu hơn và độ tuổi lao động có thể kéo dài hơn so với tuổi nghỉ hưu 65, quy định mà người Mỹ áp dụng theo người Đức khi chúng ta thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội bắt đầu từ năm 1936.

Tuổi 65 được quy định là tuổi nghỉ hưu từ thời Bismarck vào cuối những năm 1800 khi vị Thủ tướng này yêu cầu một nhà thống kê hàng đầu định ra một tuổi nghỉ hưu sao cho Nhà nước không bao giờ phải trả lương hưu. Vào thời gian này, bản thân Bismarck là 72 tuổi nhưng tuổi thọ trung bình ở Đức chỉ là 34.

50 năm sau, khi nước Mỹ áp dụng chế độ bảo hiểm xã hội, tuổi thọ vẫn dưới 60.30 năm sau nữa khi chế độ chăm sóc y tế được áp dụng, tuổi thọ đã vượt qua 65.

Và không chỉ có tuổi thọ. Vào năm 1900 trung bình người đến tuổi 40 đã là một người mất sức lao động. Vào thời điểm đó, 95% loài người, kể cả ở những nước phát triển nhất, lao động chân tay.

Công việc lúc đó là công việc cơ bắp nguy hiểm. Vào năm 1888, ông chủ của nhà máy thép lớn nhất nước Áo nêu lên kỷ lục độc nhất trên toàn thế giới của mình: trong 5 năm qua, không đến 40% lực lượng lao động của ông bị chết hay bị tàn phế.

Tình trạng này chỉ thay đổi khi bộ luật an toàn công nghiệp được áp dụng, bộ luật này lần đầu tiên được soạn thảo ở Áo bắt đầu khoảng năm 1870. Nên nhớ rằng Franz Kafka là người thứ hai phụ trách cục an toàn và bồi thường cho người lao động của nước Séc.

Nếu anh đọc những bài viết của các bà vợ nông dân là người nhập cư ở Minnesota viết vào điểm giao thời của 2 thế kỷ, những nguy hiểm thật không thể tưởng tượng được nổi. Nếu họ không hóa điên vì nỗi cô đơn vô vọng hay làm việc đến kiệt sức trên đồng ruộng thì 4 lần đẻ hay nhiều hơn nữa mà không có các bà đỡ cũng sẽ giết chết họ ở tuổi 40.

Trong thời đại chúng ta, tình hình này đã thay đổi. Tai họa nghề nghiệp chủ yếu nhất của hầu hết mọi người là bệnh trĩ.

Nguyên nhân chính dẫn đến sự cải thiện tình hình không phải là nhờ vào thuốc chữa bệnh, mà là nhờ vào sự thay đổi nghề nghiệp từ lao động cơ bắp đến lao động trí óc. Ngay cả khi cuối tuổi 70 và đôi khi tuổi 80, con người ngày nay vẫn chưa mất sức lao động như những người mới ở tuổi 40 một thế kỷ trước đây.

Tất cả điều này có nghĩa là các xã hội tiến bộ sẽ lật ngược trình tự làm việc và nghỉ hưu hiện tại. Xã hội sẽ tìm cách sử dụng con người trong suốt độ tuổi lao động của họ. Những người già có thể làm việc theo thời gian hoặc làm cố vấn trong 6 tháng. Họ có thể làm giảng viên trong các tổ chức tình nguyện hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Họ sẽ làm việc cho các tổ chức không phải với tư cách nhân viên thường xuyên.

Giống như thời kỳ tiền công nghiệp, vì vậy, cả trong kỷ nguyên thông tin – nhờ vào kinh nghiệm, những người già sẽ lại trở thành nguồn trí tuệ quan trọng cho những người trẻ tuổi mà số lượng ngày càng ít đi. Và người già còn có vai trò quan trọng chỉ vì những người trẻ không đủ cho nhu cầu lao động.

Nguồn: NPQ SPRING 1998

Người dịch: **NGUYỄN THỊ DIỆP HÀ**